

ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ - VĂN HOÁ LỚP TỪ NGỮ CHỈ NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH CỦA NGƯỜI VIỆT¹

NGUYỄN THANH TUẤN²

Abstract: In fairy tales, the main character is the center, the soul of the narrative as all the events and details in the story revolve around this figure. Characters in fairy tales are diverse, and each is identified by different names associated with different fates, qualities, appearances, psychological traits, personalities, actions and behaviors. Studying the words referring to characters in fairy tales from a linguistic - cultural perspective therefore not only shows the diversity in naming characters but also helps to better understand some cultural and national characteristics expressed through the meanings of some character names.

Keywords: *Vietnamese fairy tales, character words, language, culture*

1. Mở đầu

Truyện cổ tích là một trong những loại hình sáng tác văn học dân gian bắt nguồn từ đời sống của nhân dân lao động, có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của cộng đồng. Trong truyện cổ tích có rất nhiều nhân vật khác nhau và được định danh bằng những tên gọi khác nhau, với những số phận, phẩm chất, ngoại hình, tâm lí, tính cách, hành động và cách ứng xử khác nhau. Vì thế, trong truyện cổ tích các từ ngữ chỉ nhân vật vô cùng đa dạng.

Cho đến nay, việc nghiên cứu về nhân vật trong truyện cổ tích hầu hết được thực hiện dưới góc độ thi pháp và văn học, hầu như chưa có công trình hoặc bài viết nào nghiên cứu từ ngữ chỉ nhân vật dưới góc độ ngôn ngữ học. Do đó, bài viết này sẽ khảo sát lớp từ ngữ chỉ nhân vật trong truyện cổ tích dưới góc độ ngôn ngữ - văn hoá, qua đó cho thấy sự phong phú và đa dạng cũng như góp phần làm sáng tỏ những đặc điểm ngôn ngữ và một số nét đặc trưng văn hoá của các từ ngữ chỉ nhân vật thuộc loại hình tác phẩm văn học dân gian này.

Bài viết sử dụng phương pháp chính là miêu tả, phân tích, kết hợp với thủ pháp thống kê, phân loại để chỉ ra các đặc điểm và những nét đặc trưng trên phương diện ngôn ngữ - văn hoá của từ ngữ chỉ nhân vật xuất hiện trong truyện cổ tích của người Việt. Nguồn tư liệu nghiên cứu là các từ ngữ chỉ nhân vật xuất hiện trong tuyển tập truyện cổ tích Việt Nam do Nguyễn Đông Chi sưu tầm và biên soạn. Do số lượng văn bản truyện cổ tích trong tuyển tập rất lớn, nên bài viết giới hạn lựa chọn xem xét các từ ngữ chỉ nhân vật chính được trích xuất ở 50 văn bản truyện cổ tích tiêu biểu (đó là những truyện cổ tích được lưu truyền rộng rãi, được nhiều người biết đến và được đọc giả yêu thích).

2. Kết quả khảo sát xét về mặt định lượng

Dựa trên kết quả thống kê nguồn tư liệu gồm 50 truyện cổ tích tiêu biểu trong Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam của tác giả Nguyễn Đông Chi của người Việt, chúng tôi đã thống kê được danh sách 525 nhân vật với tần suất xuất hiện 5.117 lần.

Kết quả thống kê định lượng cho thấy, các từ ngữ chỉ nhân vật trong truyện cổ tích của người Việt rất phong phú, trong đó nhiều nhân vật có tần suất xuất hiện dày đặc xuyên suốt nội dung truyện như *Tấm* (121 lần), *Dã Trùng* (82 lần), *Lúa* (78 lần), *Từ Thức* (75 lần), *Cuội* (75 lần), *Chôm* (65 lần), ...

Kết quả thống kê cũng cho thấy, hầu hết mỗi nhân vật trong truyện cổ tích thường có rất nhiều tên gọi khác nhau. Ngoài tên gọi chính danh (tên gọi gắn với tiêu đề truyện hoặc có số lần xuất hiện

¹ Bài viết là sản phẩm của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2025 “*Từ ngữ chỉ nhân vật trong truyện cổ tích của người Việt*”, Viện Ngôn ngữ học là tổ chức chủ trì.

² Viện Ngôn ngữ học; Email: tuannh@gmail.com

nhiều nhất hoặc tên gọi đã quen thuộc với độc giả), chúng còn được thay thế bằng các từ đồng nghĩa, gần nghĩa hoặc các đại từ (đại từ xưng hô như *tao, anh, mày*, hoặc các đại từ thay thế: *nó, họ, bọn chúng,...*) rất đa dạng và phong phú. Chẳng hạn, *Thạch Sanh* là tên gọi chính danh của nhân vật, ngoài ra nhân vật này còn có các tên gọi đồng nghĩa mang tính lâm thời khác như *chàng trai đốn củi, chàng; Trạng Hiền* là tên gọi chính danh, nhân vật này còn có các tên gọi khác gắn với từng tình huống, diễn biến của truyện như: *em bé, Hiền, trạng bé loắt choắt, ông trạng nhỏ tuổi, Thượng Thư,...* Trong truyện cổ tích, việc sử dụng nhiều tên gọi khác nhau để quy chiếu hoặc cùng chỉ một nhân vật không chỉ nhằm phù hợp với sự xuất hiện của nhân vật ở từng hoàn cảnh khác nhau mà còn để tạo nên sự hấp dẫn, sinh động, phong phú trong cách sử dụng ngôn ngữ cũng như tạo tính liên kết giữa các phần văn bản, qua đó góp phần tạo nên sự hấp dẫn cho người đọc.

3. Đặc điểm ngôn ngữ của các từ ngữ chỉ nhân vật và trong truyện cổ tích

3.1. Đặc điểm cấu tạo

Các từ ngữ chỉ nhân vật trong truyện cổ tích xét về cấu tạo khá đa dạng, bao gồm cả từ đơn, từ ghép và cụm từ. Trong số 525 từ ngữ chỉ nhân vật được thống kê từ 50 văn bản truyện cổ tích tiêu biểu, tên gọi nhân vật có hình thức là từ gồm 261 đơn vị (gồm từ đơn và từ ghép) chiếm 49,7% và tên gọi nhân vật có hình thức là cụm từ gồm 264 đơn vị, chiếm 50,3%. Trong số 261 từ ngữ chỉ nhân vật có cấu tạo là từ có 86 tên gọi là từ đơn, chiếm 16,4% và 103 tên gọi là từ ghép, chiếm 33,3%.

Bảng 1. Bảng tổng hợp đặc điểm tên gọi nhân vật trong truyện cổ tích xét về hình thức cấu tạo và tần suất xuất hiện

Cấu tạo	Từ		Cụm từ	Tổng
	Từ đơn	Từ ghép		
Số lượng	86 (16,4%)	212 (40,4%)	264 (50,3%)	525 (100%)
Tần suất	1.308 lần (25,5%)	1.704 lần (33,3%)	2.105 lần (41,1%)	5.117 lần (100%)

Kết quả này cho thấy, tên gọi nhân vật trong truyện cổ tích có hình thức là từ chiếm tỉ lệ khá lớn (49,7%). Điều này bước đầu phản ánh trong truyện cổ tích tên gọi nhân vật thường mang tính ngắn gọn, nhất là các nhân vật chính, phần lớn chỉ có 1 hoặc hai âm tiết nhằm giúp độc giả dễ nhớ đến nhân vật.

3.1.1. Tên gọi nhân vật là từ đơn

Tên gọi nhân vật có cấu tạo là từ đơn có những đặc điểm đáng chú ý sau:

a. Tất cả tên gọi này chỉ gồm một yếu tố và chỉ gồm 1 âm tiết tương đương với một từ hoàn chỉnh, ví dụ: *vợ, but, ngựa, Lúa, trâu, chủ, vua, rắn, kiến, lính, chó, vợ, chồng, cha, dê, cóc, Cuội, khách, thầy, hổ, tướng, phật, Tấm, Cám, quạ,...*

b. Phần lớn tên gọi nhân vật có tần suất xuất hiện cao đều thuộc về từ đơn. Một số tên gọi nhân vật có số lần xuất hiện rất cao như *Tấm* (121 lần), *Lúa* (78 lần), *Cuội* (75 lần), *Chôm* (65 lần), *Cóc* (49 lần),... Đây cũng là những nhân vật chính, nhân vật đóng vai trò trung tâm và thường xuất hiện xuyên suốt từ đầu đến cuối truyện. Mọi diễn biến, xung đột và kết thúc của truyện đều liên quan đến nhân vật chính. Điều này lí giải tại sao tên gọi của nhân vật chính bao giờ cũng có số lần xuất hiện rất cao trong truyện cổ tích.

Ngược lại, một số tên gọi nhân vật chỉ xuất hiện 1 hoặc 2 lần thoáng qua trong truyện cổ tích. Ví dụ: *quan, lính* trong truyện “Đồng tiền Vạn Lịch”; *sâu, kiến, chim, mẹ* (*Từ Thức*) trong truyện “Sự tích động Từ Thức”,... Trong truyện cổ tích, đây là những nhân vật phụ, trong quan hệ với nhân vật chính, nhân vật phụ có thể là bạn bè, bề trên, người thân trong gia đình, hàng xóm, những người xa lạ,... Sự đa dạng của các nhân vật phụ này làm cho truyện cổ tích trở nên hấp dẫn và mang nhiều ý nghĩa.

c. Tất cả các tên gọi nhân vật là từ đơn được tạo thành theo phương thức từ hoá hình vị, do một hình vị tạo nên và hầu hết đều là từ đơn đơn tiết (1 tiếng).

d. Tất cả các tên gọi nhân vật là từ đơn đều là các danh từ, bao gồm cả danh từ chung và danh từ riêng, trong đó phần lớn là các danh từ chung. Ví dụ: *vợ, ngựa, trâu, chủ, vua, lính, chó, chồng, cha, cóc, khách, phật, quạ,...* (danh từ chung); *Giống Lúa, Cuội, Tân, Lang, Tấm, Cám, Thiên, Địa, Liêu,...* (danh từ riêng).

e. Hầu hết tên gọi nhân vật là từ đơn có nguồn gốc thuần Việt và Hán Việt, không có tên gọi nào có nguồn gốc Ấn - Âu. Ví dụ: *chồng, vợ, éch, khỉ, kiến, hổ, đế, quạ, bụt, Được, Liễu, Tấm, Cám, cha, mẹ, ...* (từ thuần Việt); *quân, lính, khách, tướng, Tân, Lang, Nhân, vua, chủ, ...* (từ Hán Việt). Trong truyện cổ tích, các tên gọi nhân vật, đặc biệt là nhân vật chính đa số có nguồn gốc thuần Việt. Đây là một đặc trưng của truyện cổ tích, vì điều này giúp tên nhân vật trở nên dễ hiểu, dễ nhớ và gần gũi hơn với người đọc đặc biệt là trẻ em.

Bảng 2. Bảng tổng hợp đặc điểm cấu tạo tên gọi nhân vật trong truyện cổ tích là từ đơn

Hình thức cấu tạo	Phương thức cấu tạo	Từ loại		Nguồn gốc	
Từ đơn	Từ hoá	DT chung	70 (81,4%)	Thuần Việt	63 (73,3%)
	hình vị	DT riêng	16 (18,6%)	Hán Việt	23 (26,7%)
Tổng		86 (100%)		86 (100%)	

3.1.2. Tên gọi nhân vật là từ ghép

a. Tên gọi nhân vật là từ ghép đều có 2 yếu tố cấu tạo và gồm 2 âm tiết. ví dụ: *xã trưởng, trọc phú, ông đồ, bọ trẻ, nhà vua, Vạn Lịch, thái tử, Ác Lai, cha mẹ, ...*

b. Khá nhiều tên gọi nhân vật là từ ghép trong truyện cổ tích có tần suất xuất hiện cao như nhân vật *Dã Tràng* (82 lần), *Từ Thức* (75 lần), *Thạch Sanh* (58 lần), *Tiên Dung* (54 lần), ... Các tên gọi nhân vật là từ ghép có tần suất xuất hiện cao cũng là những nhân vật chính. Ngược lại, khá nhiều tên gọi nhân vật là từ ghép có tần suất xuất hiện thấp chỉ 1-2 lần và đây đều là những tên gọi của nhân vật phụ. Chẳng hạn trong truyện “Sự tích đầm Nhất Dạ và bãi Tự Nhiên” ngoài 2 nhân vật chính *Tiên Dung* và *Chử Đồng Tử* còn có một loạt các nhân vật phụ như *Chử Cù Vân* (cha của Chử Đồng Tử), *vua* (cha của Tiên Dung), *quân gia, thị tì, lính tráng, viên quan hầu* (đi theo bảo vệ và hầu công chúa Tiên Dung), ... Các nhân vật này tuy chỉ xuất hiện thoáng qua nhưng đóng vai trò khá quan trọng việc tương tác với nhân vật chính, qua đó góp phần tạo thêm sự phong phú, hấp dẫn cho truyện.

c. Tên gọi nhân vật có cấu tạo là từ ghép được tạo thành theo phương thức ghép với hai kiểu quan hệ: chính phụ và đẳng lập, trong đó hầu hết tên gọi nhân vật được ghép theo quan hệ chính phụ (hay ghép phân nghĩa). Ví dụ: *nhà vua, tôn giả, viên quan, quân thần, tá điền, đầy tớ, học trò, cá quả, chim rừng, hầu gái, ...* (chính phụ); *cha mẹ, tướng sĩ, vợ chồng, ...* (đẳng lập). Sự áp đảo của tên gọi nhân vật là ghép chính phụ so với từ ghép đẳng lập đã phản ánh từ ngữ chỉ tên gọi nhân vật chủ yếu là những từ ngữ mang tính định danh cụ thể, nhằm khu biệt tên gọi các nhân vật một cách chính xác.

d. Về từ loại của các tên gọi nhân vật là từ ghép cũng đều là các danh từ, bao gồm danh từ chung và danh từ riêng, trong đó tên gọi nhân vật là danh từ chung chiếm số lượng chủ yếu. Ví dụ: *dân làng, lính tráng, thị nữ, dì ghè, công chúa, pháp sư, sứ giả, xóm giềng, ...* (danh từ chung); *Vua Hùng, Ngọc Hoàng, Lý Thông, Thạch Sanh, Trương Ba, ...* (danh từ riêng).

e. Tên gọi nhân vật có cấu tạo là từ ghép hầu hết cũng có nguồn gốc thuần Việt và Hán Việt. Ví dụ: *chú rể, ông đồ, xóm làng, cha mẹ, cá quả, con chó, thợ rèn, bọ trẻ, bà lão, ...* (thuần Việt); *bộ hạ, đạo sĩ, quân gia, thị tì, lính tráng, lạc tướng, thị nữ, phi tần, viên quan, Gia Long, Vua Hùng, Ngọc Hoàng, Lý Thông, hoàng hậu, công chúa, đại bàng, pháp sư, ...* (Hán Việt). Tên gọi nhân vật trong truyện cổ tích là từ ghép có nguồn gốc Ấn Âu gồm 1 tên gọi duy nhất: *chim đa - đa*. Trong số này tên gọi nhân vật là từ ghép có nguồn gốc Hán Việt chiếm số lượng lớn. Một trong những đặc trưng của từ Hán Việt là mang màu sắc cổ kính, hoài niệm, trong khi đặc trưng của truyện cổ tích thường kể về những câu chuyện xảy ra từ thời xa xưa, vì vậy trong truyện cổ tích có nhiều tên gọi nhân vật là những từ Hán Việt cổ cũng là điều dễ hiểu. Bởi vì các tên gọi Hán Việt cổ này có tác dụng tái tạo hình ảnh các nhân vật và cuộc sống xã hội ngày xưa, dẫn dắt người đọc trở về quá khứ. Chẳng hạn một loạt các tên gọi nhân vật như: *nhà vua, vua Hùng, hoàng hậu, hoàng tử, công chúa, thị tì, hầu gái, xã trưởng, tá điền, đầy tớ, phú ông, bộ hạ, phi tần, thái tử, ...* Những tên gọi nhân vật này mang đậm tính cổ trang

mà ngày nay hầu như không được sử dụng nhưng lại có vai trò quan trọng trong việc tái hiện bức tranh về cuộc sống xã hội thời xưa.

Bảng 3. Bảng tổng hợp đặc điểm của tên gọi nhân vật trong truyện cổ tích có cấu tạo là từ ghép

Hình thức cấu tạo	Phương thức cấu tạo		Từ loại		Nguồn gốc	
	Từ ghép	Ghép chính phụ	207 (97,6%)	DT chung	186 (87,7%)	Thuần Việt
Ghép đẳng lập		5 (2,4%)	DT riêng	26 (12,3%)	Hán Việt	119 (56,1%)
					Ấn Âu	1 (0,5%)
Tổng	212 (100%)		212 (100%)		212 (100%)	

3.1.3. Tên gọi nhân vật là cụm từ

a. Hầu hết tên gọi nhân vật là cụm từ có cấu tạo từ 2 -3 yếu tố (tương đương từ 2- 4 âm tiết). Ví dụ: *phật bà quan âm, người đánh cá, hai cô gái, chàng trai trẻ tuổi, dân trong xóm, quan trấn thủ, người đàn bà, đức con trai, quân đội Hùng Vương, chim hậu điểu...* Điều này phản ánh các tên gọi nhân vật tuy có tính khu biệt nhưng không quá phức tạp để có thể tri nhận và gọi tên nhân vật một cách chính xác, không gây nhầm lẫn nhưng vẫn giúp người đọc có thể dễ nhớ đến hình ảnh nhân vật thông qua tên gọi.

b. Một số tên gọi nhân vật là cụm từ cũng có số lần xuất hiện rất cao như: *anh chàng đốn củi* trong “Cứu vật vật trả ơn, cứu nhân nhân trả oán” (72 lần), *chàng đốn củi* trong “chàng đốn củi” (55 lần), *anh học trò nghèo* trong “Người lấy cóc” (54 lần), *anh nông phu* trong “Cây tre trăm đốt” (46 lần),... Ngược lại cũng có một số nhân vật chỉ xuất hiện thoáng qua 1 hoặc 2 lần. Chẳng hạn trong truyện “Nợ như chúa Chôm” ngoài nhân vật chính là *Chôm*, còn có các nhân vật phụ như: *vua nước Lào* là người nhường cho *Nguyễn Kim* miếng đất Sầm Châu làm căn cứ để lo việc khôi mã (*Nguyễn Kim* một trung thân nhà Lê năm mộng được thần báo mộng về “thiên tử” lưu lạc. Qua nhiều lần tìm kiếm, ông phát hiện ra *Chôm* chính là hậu duệ nhà Lê); *Người bán cháo gang* là người đi cùng chuyên dò với *Chôm*; *Sáu mươi vạn quân* là quân của vua Mạc đánh nhau với đội quân nhà Lê do *Chôm* là tướng chỉ huy,... Tuy chỉ là những nhân vật phụ nhưng có vai trò quan trọng góp phần tạo nên những tình tiết logic quan trọng liên quan đến nhân vật *Chôm*.

c. Phương thức cấu tạo của tên gọi nhân vật có cấu tạo là cụm từ cũng là ghép theo quan hệ chính phụ. Ví dụ: *quân triều đình, vua Thủy Tề, người đánh giặc, tên lính canh...*

d. Cũng giống như tên gọi là từ đơn và từ ghép, tất cả các tên gọi nhân vật là cụm từ cũng là các danh từ, bao gồm cả danh từ chung và danh từ riêng, trong đó tên gọi nhân vật là danh từ chung cũng chiếm số lượng chủ yếu. Ví dụ: *khách bộ hành, người đẩy tó, vợ chồng đạo sĩ, người lái buôn nước ngoài...* (danh từ chung); *vua Hiền Đế, Mẹ con Lý Thông, Tướng giặc An Vương, ông Giám Sinh, Mai An Tiêm, thân Đế Thích, ông bà Trần Cao...* (danh từ riêng).

e. Tên gọi nhân vật có cấu tạo là cụm từ cũng có nguồn gốc thuần Việt và Hán Việt, không có tên gọi nào có nguồn gốc Ấn - Âu. Ví dụ: *hai vợ chồng, người em gái, đàn chim sẻ, chàng trai trẻ tuổi, người đánh cá...* (thuần Việt); *khách bộ hành, viên quan hầu, quân triều đình, bô lão địa phương, quan trấn thủ, viên đại thần, quan phân xử...* (Hán Việt). Ngoài ra nguồn gốc tên gọi nhân vật có cấu tạo là ngữ còn là sự kết hợp giữa yếu tố thuần Việt và Hán Việt. như: *anh nông phu, con gái phú ông, vợ chồng chủ quán, người cai ngục, tên nô, bọn thủ hội...* hoặc kết hợp giữa yếu tố Hán Việt với thuần Việt, như: *sư bạn*; hoặc là sự kết hợp xen kẽ giữa yếu tố thuần Việt và Hán Việt như: *khách ăn trong quán, bọn quan trên, hoàng tử nước láng giềng, thái tử con vua Thủy Tề, ông quan già...*

Có thể thấy nguồn gốc các tên gọi là ngữ khá đa dạng. Ở một số tên gọi nhân vật là ngữ có 3 hoặc 4 yếu tố (tương đương với nhiều âm tiết), thường có sự kết hợp đan xen giữa yếu tố thuần Việt và yếu tố Hán Việt nhằm tạo nên những tên gọi vừa mang tính cổ trang vừa có tính uyển chuyển, mềm mại, gần gũi với người đọc.

Bảng 4. Bảng tổng hợp đặc điểm của tên gọi nhân vật trong truyện cổ tích có cấu tạo là cụm từ

Hình thức cấu tạo	Phương thức cấu tạo	Từ loại		Nguồn gốc	
		DT chung	199 (87,7%)	Thuần Việt	86 (37,9%)
Cụm từ	Ghép chính phụ	DT riêng	28 (12,3%)	Hán Việt	38 (16,7%)
				Hán Việt + Việt	103 (45,4%)
Tổng		227 (100%)		227 (100%)	

3.2. Đặc điểm định danh

a. Các mô hình định danh

Phân tích ngữ liệu cho thấy, để định danh nhân vật trong truyện cổ tích, chủ thể đã sử dụng tổng số 53 mô hình định danh. Kết quả này phản ánh số lượng các mô hình định danh tên gọi nhân vật khá phong phú, điều này góp phần tạo nên sự đa dạng, sinh động trong việc định danh tên gọi nhân vật trong truyện cổ tích.

Bảng 5. Bảng tổng hợp mô hình định danh từ ngữ chỉ nhân vật trong truyện cổ tích

Số lượng mô hình định danh	Số lượng nhân vật	Tỉ lệ %
1. Nhóm tên gọi nhân vật là người		
(1) Tên người + nghề nghiệp/ chức vị: <i>viên quan, thầy thuốc</i>	376 (86,6%)	
(2) Tên người + tên riêng: <i>vua Hùng, Thạch Sanh</i>		
(3) Tên người + quan hệ thân tộc: <i>người vợ, đứa con</i>		
(4) Tên người + quan hệ xã hội: <i>người hàng xóm, ông thông gia</i>		
(5) Tên người + quan hệ sở hữu: <i>quân của người anh, vợ Dã Tràng</i>		
(6) Tên người + hoạt động: <i>người đánh giặc, lão chăn ngựa</i>		
(7) Tên người + siêu nhiên: <i>ông bụt, vua Thủy Tề</i>		
(8) Tên người + giới tính: <i>phụ ông, người đàn bà</i>		
(9) Tên người + tính chất: <i>em bé thông minh, người nghèo khổ</i>		
(10) Tên người + vai trò/ nhiệm vụ: <i>quan phân xử, người cai ngục</i>		
(11) Tên người + độ tuổi: <i>ông lão, bọn trẻ</i>		
(12) Tên người + nguồn gốc: <i>sứ nhà Nguyên, hoàng đế Trung Quốc</i>		
(13) Tên người + nghề nghiệp + vai trò/ nhiệm vụ: <i>ông trạng xử kiện</i>		
(14) Tên người + nghề nghiệp + tính chất: <i>người đẩy tờ trung thành</i>		
(15) Tên người + giới tính + siêu nhiên: <i>phật bà quan âm</i>		
(16) Tên người + nơi chốn: <i>mọi người ở bên sông</i>		
(17) Tên người + giới tính + hoạt động + tính chất: <i>anh chàng ăn khô</i>		
(18) Tên người + độ tuổi + hoạt động: <i>đám trẻ chăn trâu</i>		
(19) Tên người + giới tính + tính chất: <i>người đàn bà goá</i>		
(20) Tên người + giới tính + vai trò/ nhiệm vụ: <i>hai người con gái hầu</i>		
(21) Tên người + nghề nghiệp + hoạt động: <i>thầy lang bán thuốc</i>		
(22) Tên người + giới tính + tính chất: <i>chàng trai trẻ tuổi</i>		
(23) Tên người + nghề nghiệp + nơi chốn: <i>người dân trên đảo</i>		
(24) Tên người + hoạt động + nơi chốn: <i>khách ăn trong quán</i>		
(25) Tên người + thân tộc + tính chất: <i>đứa con độc nhất</i>		
(26) Tên người + quan hệ xã hội + tính chất: <i>mấy người bạn xấu</i>		
(27) Tên người + nghề nghiệp + tên riêng: <i>vị quan Nguyễn Kim</i>		
(28) Tên người + tên riêng + thứ tự: <i>vua Hùng Vương thứ mười ba</i>		
(29) Tên người + nghề nghiệp + nguồn gốc: <i>người lái buôn nước ngoài</i>		
(30) Tên người + sở hữu + nơi chốn: <i>vợ một viên quan sở tại</i>		
(31) Tên người + giới tính + hoạt động: <i>anh chàng câu cá</i>		

2. Nhóm tên gọi nhân vật là động vật		
(1) Danh từ đơn vị + tên động vật: <i>con chó, đàn trâu, bầy quạ</i>	18	50 (11,5%)
(2) Tên động vật + vai trò /công dụng: <i>gà chọi, rắn chông</i>	7	
(3) Tên động vật + tiếng kêu: <i>chim năm trâu sáu cột, chim cuốc</i>	7	
(4) Tên động vật + hình dạng: <i>cá quả, mãng xà</i>	4	
(5) Tên động vật + siêu nhiên: <i>chăn tinh, trâu thần</i>	4	
(6) Tên động vật + môi trường sống: <i>chim rừng, rắn nước</i>	3	
(7) Tên động vật + giới tính: <i>ngỗng trống, ngỗng mái</i>	3	
(8) Danh từ đơn vị + tên động vật+ thời kì sinh trưởng: <i>những con chim non</i>	2	
(9) Tên động vật + màu sắc: <i>chim vàng anh</i>	2	
(10) Tên động vật + vay mượn tiếng nước ngoài: <i>chim đa- đa.</i>	1	
(11) Tên động vật + tính chất: <i>ngựa sắt</i>	1	
(12) Tên động vật + giới tính + tính chất: <i>rắn đực khác.</i>	1	
(13) Danh từ đơn vị + tên động vật + hình dáng: <i>đàn chim sẻ.</i>	1	
(14) Tên động vật + vai trò + siêu nhiên: <i>chim khách màu nhiệm</i>	1	
(15) Danh từ đơn vị + tên động vật + màu sắc: <i>con rắn trắng</i>	1	
3. Nhóm tên gọi nhân vật là thực vật		
(1) Danh từ đơn vị + tên thực vật: <i>cây đa, bụi tre</i>	2	6 (1,4%)
(2) Danh từ đơn vị + tên thực vật + siêu nhiên: <i>cây thuốc thần</i>	2	
(3) Danh từ chỉ đơn vị + tên thực vật + màu sắc: <i>cây xoan đào</i>	1	
(4) Tên thực vật + tính chất: <i>sầu riêng</i>	1	
4. Nhóm tên gọi nhân vật là đồ vật		
(1) Danh từ đơn vị + tên đồ vật: <i>hòn đá, cây đàn</i>	2	2 (0,5%)
53 mô hình	434	100%

Kết quả bảng 5 cho thấy, nhóm tên gọi nhân vật là người có nhiều mô hình định danh nhất với 31 mô hình, tiếp đến là nhóm tên gọi nhân vật là động vật có 15 mô hình, thực vật có 4 mô hình và nhóm tên gọi nhân vật là đồ vật có ít mô hình nhất, chỉ với 1 mô hình định danh. Đồng thời có sự chênh lệch khá lớn về số lượng tên gọi nhân vật giữa các mô hình. Các mô hình định danh thuộc nhóm tên gọi nhân vật là người có số lượng tên gọi nhân vật lớn nhất. Số lượng tên gọi nhân vật ở mô hình định danh khác nhìn chung ít hơn, trong đó có nhiều mô hình chỉ có 1 tên gọi. Tuy vậy, sự hiện diện của các mô hình định danh này cũng góp phần tạo nên sự đa dạng, sinh động trong việc định danh tên gọi nhân vật ở trong truyện cổ tích.

Kết quả bảng 5 cũng cho thấy, mặc dù số lượng mô hình định danh sử dụng kết hợp 2 đặc trưng khu biệt khá nhiều, nhưng số lượng tên gọi nhân vật được định danh theo kiểu mô hình này lại không đáng kể vì trong mỗi mô hình kiểu này chỉ có từ 1 đến 2 tên gọi. Hầu hết tên gọi nhân vật được định danh theo các mô hình chỉ có một đặc trưng khu biệt. Kết quả này phản ánh cách gọi tên nhân vật trong truyện cổ tích thường khá đơn giản, nhưng chính nhờ đó đã tạo ra các tên gọi các nhân vật trong truyện cổ tích ngắn gọn, dễ nhớ. Ngược lại, với tên gọi có nhiều thuộc tính tức nhiều đặc trưng khu biệt thường có xu hướng tạo ra các tên gọi dài, gây khó nhớ.

b. Các đặc trưng định danh

Trong 53 mô hình định danh, chủ thể đã sử dụng một hệ thống các đặc trưng khá phong phú để định danh nhân vật trong truyện cổ tích.

Bảng 6. Bảng tổng hợp số lượng đặc trưng khu biệt được sử dụng để định danh nhân vật trong truyện cổ tích

STT	Đặc trưng được chọn để định danh	Số lượng tên gọi	Tỉ lệ %
1.	Nghề nghiệp/ chức vụ/ tước vị	120	27,6
2.	Tên riêng (người)	36	8,3
3.	Quan hệ thân tộc	33	7,6
4.	Quan hệ xã hội	31	7,1
5.	Thế giới siêu nhiên	26	6
6.	Tính chất	25	5,8
7.	Quan hệ sở hữu	25	5,8
8.	Hoạt động	23	5,3
9.	Vai trò/ nhiệm vụ	22	5,1
10.	Tên động vật	18	4,1
11.	Giới tính	16	3,7
12.	Độ tuổi	10	2,3
13.	Nguồn gốc	10	2,3
14.	Công dụng/chức năng	7	1,6
15.	Tiếng kêu	7	1,6
16.	Nơi chốn	5	1,2
17.	Hình dạng	5	1,2
18.	Màu sắc	4	0,9
19.	Môi trường sống	3	0,6
20.	Thời kì sinh trường	2	0,5
21.	Tên thực vật	2	0,5
22.	Tên đồ vật	2	0,5
23.	Thứ tự	1	0,2
24.	Vay mượn tiếng nước ngoài	1	0,2
	Tổng	434	100

Bảng kết quả trên cho thấy, có tổng số 24 đặc trưng khu biệt được sử dụng để định danh tên gọi nhân vật trong truyện cổ tích. Trong đó, đặc trưng về *Nghề nghiệp/ chức vụ/ tước vị* được sử dụng nhiều nhất. Có thể nói đây là đặc trưng tiêu biểu để định danh tên gọi nhân vật trong truyện cổ tích, bởi vì số lượng tên gọi nhân vật sử dụng đặc trưng này chiếm số lượng lớn nhất, thậm chí áp đảo so với các đặc trưng khác. Bên cạnh đó các đặc trưng về *Tên riêng (người)*, *Quan hệ thân tộc*, *Quan hệ xã hội*, *Thế giới siêu nhiên*, *Quan hệ sở hữu*, *Hoạt động*, *Vai trò/ nhiệm vụ*, *Tên động vật*, *Giới tính* cũng được sử dụng khá phổ biến. Số lượng tên gọi nhân vật được định danh trên cơ sở của các đặc trưng này cũng khá lớn. Các đặc trưng còn lại nhìn chung ít được sử dụng.

4. Đặc điểm ngữ nghĩa - văn hoá của các từ ngữ chỉ nhân vật trong truyện cổ tích

Qua nghiên cứu cho thấy, đặc điểm ngữ nghĩa - văn hoá của các từ ngữ chỉ nhân vật trong truyện cổ tích của người Việt được thể hiện trên một số phương diện sau:

4.1. Tên gọi nhân vật phản ánh hiện thực đời sống xã hội với những số phận, con người khác nhau

Trong truyện cổ tích, mỗi nhân vật đều có một tên gọi và đó là thông tin đầu tiên về nhân vật được truyền tới độc giả. Vì vậy, tên gọi nhân vật không chỉ là một danh xưng mà còn mang ý nghĩa khác nhau. Chẳng hạn:

- Tên gọi nhân vật gợi tả tính cách: một số tên gọi nhân vật có thể hé lộ, cho độc giả biết tính cách của nhân vật, đó là những cái tên trực tiếp nói lên đặc điểm, tích cách điển hình của nhân vật như: ngốc nghếch (*chàng Ngốc*), hiền lành (*trạng Hiền*), thông minh (*em bé thông minh*), tốt bụng, nhân từ (*Nhân*), thiếu tính kiên nhẫn (*nhà sư Bất Nhẫn*), khỏe mạnh (*bác Lực Điền*),...

- Tên gọi nhân vật gợi tả số phận nghèo khổ, mồ côi, cảnh cô cút: *em bé mồ côi*, *người nghèo khổ*, *anh nông phu*, *chàng đón củi*, *người đàn bà goá*...

- Tên gọi nhân vật gợi tả vị trí, thứ bậc trong xã hội: một số tên gọi giúp độc giả nhận diện và phân biệt vị trí của một cá nhân hoặc nhóm trong xã hội như tên gọi thể hiện người giàu, có địa vị cao, có quyền thế và cũng thuộc tầng lớp thống trị trong xã hội phong kiến: *vua*, *chúa thượng*, *quan*, *lạc hầu*, *lạc tướng*, *hoàng hậu*, *công chúa*, *hoàng tử*, *xã trưởng*, *phú ông*,...; tên gọi thể hiện người nghèo, có địa vị thấp trong xã hội: *quân lính*, *thị vệ*, *lính tráng*, *thị tì*, *thị nữ*, *đầy tớ*, *người tiều phu*, *gã mục đồng*, *bác nông dân*,...; tên gọi nhân vật thuộc tầng lớp trung lưu, bình dân: *người khách buôn*. *cụ đồ*, *thầy thuốc*, *đạo sĩ*, *vợ chồng chủ quán*, *người hàng giấy*, *chủ nhà*, *người hàng thịt*, *thợ rèn*,... Có thể thấy, thông qua tên gọi nhân vật người đọc có thể thấy được sự phân chia tầng lớp trong xã hội rất rõ, là tấm gương phản chiếu một cách phong phú về đời sống xã hội thời xưa.

4.2. Tên gọi nhân vật thể hiện sự gần gũi với đời sống người dân lao động

Một số tên gọi nhân vật, đặc biệt là các nhân vật chính rất quen thuộc, gần gũi với ngôn ngữ nói của nhân dân, giúp mọi người dễ nhớ, dễ liên tưởng, đó là những tên gọi cụ thể, thuần Việt hoặc những tên gọi Hán Việt quen thuộc được khắc họa sâu đậm như: *Lía*, *Giống*, *Cuội*, *Liêu*, *Được*, *Tám*, *Cám*, *Chôm*, *Cóc*, *Thỏ*, *trâu*. *Được*, *Lâu*, *Thiên*, *Địa*, *Dã Tràng*, *Quắc*, *Nhân*... Ngoài ra còn có những nhân vật tuy không có tên gọi cụ thể nhưng cũng rất gần gũi với cuộc sống hàng ngày như: *người anh*, *người em*, *người vợ*, *người chồng*, *người hàng xóm*, *người bạn*,... Hoặc nhân vật là những tên gọi con vật, cây cối, đồ vật cũng rất gần bó với đời sống con người như *cóc*, *rùa*, *ngỗng*, *thỏ*, *hổ*,... Những tên gọi này vừa ngắn gọn vừa dân dã, gần gũi, dễ hiểu vì nó mang bóng dáng của những hình ảnh gần bó mật thiết với đời sống của cộng đồng, điều này có tác dụng giúp người đọc dễ dàng đồng cảm, thấu hiểu tâm trạng và số phận của nhân vật, từ đó cảm nhận rõ hơn ý nghĩa của câu chuyện. Đồng thời chính sự gần gũi, quen thuộc trong tên gọi nhân vật đã góp phần giúp truyện cổ tích có sức hấp dẫn và mang đậm nét văn hoá của dân tộc.

4.3. Tên gọi nhân vật thể hiện ước nguyện về một cuộc sống tốt đẹp

Các tên gọi nhân vật thể hiện ước nguyện, mong muốn về một cuộc sống tốt đẹp như: *vua Thủy Tề*, *nàng tiên*, *ông bụt*, *nữ thần*, *thần Đế Thích*, *Long Hải Vương*, *đức Phật*, *phật bà quan âm*, *thần sét*,... Đây chính là những tên gọi của các nhân vật hư cấu, không có ở ngoài thực tế đời sống nhưng được người xưa hình dung trong trí tưởng tượng và luôn xuất hiện kịp thời để giúp đỡ, ban tặng cho con người những phép màu nhằm giúp họ vượt qua khó khăn thử thách, thực hiện được ước mơ tốt đẹp mình và trừng trị kẻ ác. Người được các vị thần giúp đỡ thường là những nhân vật chính, hiền lành, tốt bụng, chăm chỉ, lương thiện nhưng luôn bị kẻ mạnh ức hiếp, bóc lột sức lao động hoặc gặp phải những điều bất hạnh, khổ đau trong cuộc sống.

Nhân vật ông bụt, bà tiên, cùng các vị thần chính là hiện thân của thế lực siêu nhân, thần kì, giúp người dân lao động thực hiện ước mơ của mình. Sự xuất hiện của nhân vật siêu nhiên đóng vai trò như một công cụ thể hiện khát vọng của người dân lao động trước một hiện thực bế tắc và họ luôn là người đại diện cho sự công bằng trong xã hội, luôn xuất hiện để giúp đỡ cho người nghèo khó, tốt bụng và trừng phạt những kẻ độc ác, xấu xa. Qua đó, muốn gửi đến thông điệp hoặc bài học người tốt và lượng thiện thì sẽ có kết cục tốt đẹp, còn kẻ xấu, gian ác thì bị trừng trị.

Ngoài ra, sự xuất hiện của các nhân vật siêu nhiên trong truyện cổ tích còn bắt nguồn từ tín ngưỡng văn hoá tôn thờ các lực lượng tự nhiên hay các vị thần trong đời sống tâm linh của người Việt. Khi xưa, con người còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên và tin rằng các hiện tượng tự nhiên, sự kì bí đều do các lực lượng siêu nhiên chi phối. Từ đó, người Việt đã gắn vào đó niềm tin về sức mạnh thần bí của các hiện tượng tự nhiên và biến thành các vị thần linh thiêng, tối cao trong đời sống cộng đồng. Cho nên hình ảnh về thế giới siêu nhiên với các vị thần, ông bụt, bà tiên,... xuất hiện trong các truyện cổ tích cũng thể hiện một phần về đời sống tín ngưỡng văn hoá của người Việt.

4.4. Tên gọi nhân vật trở thành biểu tượng trong đời sống văn hoá

Trong truyện cổ tích, khá nhiều tên gọi nhân vật không chỉ đơn thuần định danh tên nhân vật mà đã trở thành các biểu tượng khác nhau, bao gồm cả tên gọi nhân vật chính diện hoặc phản diện. Bởi vì khi nhắc đến tên các nhân vật này, bất kì độc giả nào cũng hình dung ra ngay lập tức những phẩm chất, tính cách, hành động,... cụ thể của họ và những điều này đã khắc sâu đậm vào tâm thức người đọc. Dần dần, từng tên gọi nhân vật này không chỉ là mẫu hình của một nhân vật cụ thể trong truyện cổ tích mà nó đã vượt ra ngoài khuôn khổ của truyện cổ tích và mang tính đại diện cho cả một lớp người ở ngoài xã hội. Một số tên gọi nhân vật tiêu biểu trong truyện cổ tích đã trở thành biểu tượng như:

Thánh Gióng biểu tượng cho *sức mạnh phi thường* và là hình tượng tiêu biểu của *người anh hùng chống giặc ngoại xâm*. Đối với mỗi người dân Việt Nam không ai không biết đến Thánh Gióng được sinh ra từ vết chân lớn, vươn mình thành tráng sĩ rồi xin đi đánh giặc, mang lại thái bình cho đất nước. Thánh Gióng còn trở thành biểu tượng của lòng yêu nước, ý chí đoàn kết và sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

Thạch Sanh biểu tượng cho những con người *dũng cảm, tốt bụng, thật thà, bao dung*, thể hiện ước mơ của nhân dân về một người hùng chính nghĩa, luôn sẵn lòng giúp đỡ người khác và bảo vệ lẽ phải, cái thiện. Hình tượng Thạch Sanh đã đi vào thơ ca hiện đại. Trong bài thơ *Bài ca xuân 68*, nhà thơ Tố Hữu đã ví anh giải phóng quân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược là Thạch Sanh: “*Như Thạch Sanh của thế kỉ hai mươi/ Một dây ná, một cây chông cũng tấn công giặc Mỹ*”.

Tấm biểu tượng cho *cái đẹp, sự hiền lành, chăm chỉ, nhân hậu* và là đại diện cho cái thiện trong cuộc đấu tranh với cái ác. Nhân vật Tấm đã khắc họa phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam truyền thống, giữ trọn lòng nhân hậu và sự chịu thương chịu khó dù phải đối mặt với nghịch cảnh bất công. Hình tượng Tấm cũng đã đi vào thơ ca hiện đại. Trong bài hát *Cô Tấm ngày nay*, nhạc sĩ Ngọc Châu có đoạn viết: *Mơ ước thành cô Tấm ngày xưa/ Sớm hôm chẳng ngại gian khó* nhằm khắc họa hình ảnh một cô gái trẻ từ vùng quê ra thành phố với ước mơ trở thành một “*Cô Tấm*” hiện đại nhưng vẫn mong ước giữ đức tính chăm chỉ của nhân vật Tấm xưa nói riêng và các giá trị truyền thống của người phụ nữ Việt Nam nói chung.

Hoàng tử **Lang Liêu** trong “*Sự tích bánh chưng bánh dày*” là biểu tượng cho *lòng hiếu thảo, sự thông minh và sáng tạo* của người nông dân, cũng như sự phát triển của nền văn minh nông nghiệp trong buổi đầu dựng nước.

Lý Thông biểu tượng cho *cái ác, sự gian xảo, mưu mô, vong ơn bội nghĩa*, và đại diện cho những kẻ tham lam và độc ác. Nhân vật này là hiện thân của những thói xấu trong xã hội.

Dì ghẻ hay *mẹ kế* trong truyện “Tám Cám” biểu tượng của *sự độc ác, tham lam, xấu xa và đố kỵ*, không chỉ phân biệt con đẻ và con riêng mà còn đối xử tàn nhẫn và luôn tìm cách hãm hại đứa con riêng của chồng. Sở dĩ hình tượng mẹ kế trong các truyện cổ tích luôn mặc định độc ác bởi vì thực tế lịch sử cũng có những bằng chứng chứng minh rằng mẹ kế thường làm những điều xấu. “Trong lịch sử dân gian, mẹ kế thường là những kẻ giết người xảo quyệt. Họ sử dụng chất độc để nhắm vào chồng và con riêng của họ (...). Những người mẹ kế độc ác được ví như phù thủy và rắn rết” [2].

Có thể thấy, một số tên gọi nhân vật trong truyện cổ tích đã in sâu trong tiềm thức của mỗi độc giả và mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc, qua đó truyền đạt những bài học, triết lí sâu sắc về lẽ sống.

5. Kết luận

Dưới góc nhìn của ngôn ngữ - văn hoá, bài viết đã làm sáng tỏ phần nào đặc điểm của từ ngữ chỉ nhân vật trong truyện cổ tích trên ba phương diện: đặc điểm cấu tạo, định danh và đặc điểm ý nghĩa trong mối quan hệ với văn hoá. Kết quả cho thấy, từ ngữ chỉ nhân vật trong truyện cổ tích khá đa dạng về mặt hình thức cấu tạo, bao gồm đầy đủ các loại từ là từ đơn, từ ghép và ngữ, đồng thời các tên gọi nhân vật được tạo thành từ nhiều mô hình định danh khác nhau với một hệ thống đặc trưng khu biệt được sử dụng phong phú, điều này góp phần tạo nên sự đa dạng, sinh động trong việc định danh tên gọi nhân vật ở trong truyện cổ tích. Đặc biệt, thông qua ý nghĩa của tên gọi nhân vật đã cho thấy vai trò, giá trị của lớp từ ngữ này trong truyện cổ tích, bởi lẽ tên gọi nhân vật không chỉ là một danh xưng mà còn mang nhiều ý nghĩa khác nhau gắn liền với đời sống văn hoá đặc trưng của dân tộc, qua đó giúp người đọc không những dễ dàng đồng cảm với tâm trạng và số phận của nhân vật, từ đó cảm nhận rõ hơn ý nghĩa của truyện mà còn góp phần tạo nên sự hấp dẫn của truyện cổ tích.

NGŨ LIỆU KHẢO SÁT

1. Nguyễn Đông Chi. *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*. NXB Giáo dục. Hà Nội. 2000.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu. *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*. NXB Giáo dục. Hà Nội. 1981.
2. Hà Chi. *Lý do dì ghẻ độc ác, ngược đãi con chồng trong cổ tích*. Tạp chí Tri thức online. <https://znews.vn/ly-do-di-ghê-doc-ac-nguoc-dai-con-chong-trong-co-tich-post1368983.html>
3. Hồ Xuân Mai. *Những biểu hiện của văn hoá qua ngôn ngữ*. Tạp chí Khoa học xã hội. số 4. 2016.
4. Chu Thị Thùy Phương. *Trò chơi từ vựng ngữ nghĩa trong truyện cổ tích Việt Nam thuộc chương trình tiếng Việt tiểu học*. Tạp chí Khoa học. Đại học Tân Trào, Số 20. 2021.
5. Phạm Tất Thắng. *Đặc điểm của lớp tên riêng chỉ người (chính danh) trong tiếng Việt*. Luận án tiến sĩ. Viện Ngôn ngữ học. Trung tâm KHXH và Nhân văn Quốc gia (nay là Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam). 1996.
6. Nguyễn Đức Tồn. *Đặc trưng văn hoá - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*. NXB Từ điển Bách khoa. 2010.